

Số: 56/2020/QĐST-KDTM

*Thành phố H, ngày 13 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 49/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

\* Nguyên đơn: Công ty TNHH Bê tông A; địa chỉ: Lô 1699 Khu công nghiệp Long Đ, huyện Cần Đ, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Công C, sinh năm 1992; địa chỉ liên lạc: Số 17 đường Trần Thúc N, phường Vĩnh N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo giấy ủy quyền số 18/UQ-VINA ngày 09/10/2020);

\* Bị đơn: Công ty Cổ phần B; địa chỉ: Lô 77 đường Đ, phường Vỹ D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng B, sinh năm 1973, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Anh H, sinh năm 1978; địa chỉ liên lạc: Lô 77 đường Đ, phường Vỹ D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo giấy ủy quyền số 151/UQ-CT ngày 23/10/2020).

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Về số tiền nợ: Công ty Cổ phần B công nhận còn nợ của Công ty TNHH Bê tông A số tiền tính đến ngày 31/10/2020 là 2.283.118.500 đồng (Hai tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, một trăm mười tám nghìn, năm trăm đồng). Bao gồm: Tiền nợ gốc là 1.756.245.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền nợ lãi chậm trả là 526.873.500 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng).

## 2.2. Về phương thức thanh toán:

Công ty Cổ phần B phải thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông A đối với số tiền nợ gốc 1.756.245.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), chia làm 04 đợt như sau:

- Đợt 1: Ngày 30/11/2020 Công ty Cổ phần B phải thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông A số tiền 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng).

- Đợt 2: Ngày 31/12/2020 Công ty Cổ phần B phải thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông A số tiền 376.245.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Đợt 3: Ngày 31/03/2021 Công ty Cổ phần B phải thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông A số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

- Đợt 4: Ngày 30/06/2021 Công ty Cổ phần B phải thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông A số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Nếu Công ty Cổ phần B thanh toán hết số tiền nợ gốc 1.756.245.000 đồng theo 04 đợt, đúng thời hạn như trên thì sẽ được Công ty TNHH Bê tông A cho miễn trả toàn bộ tiền nợ lãi chậm trả số tiền là 526.873.500 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp Công ty Cổ phần B không thanh toán đúng thời hạn theo từng đợt như trên cho Công ty TNHH Bê tông A thì Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông A toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán, tiền lãi chậm trả 526.873.500 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc kể từ ngày 01/11/2020 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất là 10%/năm.

**3.** Về án phí tranh chấp: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hòa giải nên phải chịu án phí tranh chấp theo quy định là  $[72.000.000 \text{ đồng} + (2\% \times 283.118.500 \text{ đồng})]/2 = 38.831.185 \text{ đồng}$  (làm tròn số là **38.831.000 đồng**). Công ty Cổ phần B thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ án phí tranh chấp là **38.831.000 đồng** (Ba mươi tám triệu tám trăm ba

mười một nghìn đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH Bê tông A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **36.160.000 đồng** (Ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000479 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu KDTM.

**THẨM PHÁN**

**Trương Thị Đào Vi**